**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CỜ ĐỎ**
**TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2020.
V/v tranh chấp " Ly hôn giữa Anh Trương Minh N với Chị Trần Huỳnh Phương Th".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đào Thanh Huỳnh.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Huỳnh Thanh Vũ.
2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trương Minh N, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, thị trấn C, huyện M, thành phố T.

- *Bị đơn*: Chị Trần Huỳnh Phương Th, sinh năm 1997. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, thị trấn D, huyện N, thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 02 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Trương Minh N trình bày*: Do quen biết, anh và Chị Trần Huỳnh Phương Th tự nguyện tiến tới hôn nhân không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 15/8/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung: Cháu Trương Trần Ngân Kh, sinh ngày 21/6/2014, hiện cháu Kh đang sống cùng với anh. Quá trình chung sống, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ, chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa, vợ chồng ly thân 01 năm nay nhưng không hàn gắn được, hiện tại mỗi người có

cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với Chị Th.

Về con chung và nuôi con chung: Anh yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trương Trần Ngân Kh, sinh ngày 21/6/2014 đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu Chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa bị đơn Chị Trần Huỳnh Phương Th vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án Chị Th trình bày*: Chị thống nhất với lời trình bày của Anh N về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, thời gian ly thân, nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay, Anh N yêu cầu ly hôn, chị có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Anh N.
- Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Kh cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của Anh Trương Minh N thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Ly hôn ". Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Chị Trần Huỳnh Phương Th vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt Chị Th.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa Anh Trương Minh N và Chị Trần Huỳnh Phương Th là hợp pháp. Anh N và Chị Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh N và Chị Th có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng không lâu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc. Chị Th cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng và đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh N và Chị Th là phù hợp.

[3] *Về con chung và nuôi con chung*: Anh N và Chị Th xác định có 01 con chung, cháu Trương Trần Ngân Kh, sinh ngày 21/6/2014. Chị Th đồng ý giao cháu Kh cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Anh N không yêu cầu Chị Th cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Anh N, Chị Th xác định không có.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Trương Minh N phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly lôn giữa Anh Trương Minh N với Chị Trần Huỳnh Phương Th.

2. Về con chung và nuôi con chung: Anh N và Chị Th xác định có 01 con chung, cháu Trương Trần Ngân Kh, sinh ngày 21/6/2014. Công nhận Chị Th đồng ý giao cháu Kh cho Anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, Anh N không yêu cầu Chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Chị Th không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, Chị Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Anh N.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trương Minh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012946 ngày 02 tháng 01 năm 2020 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận:*** **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND thị trấn Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thanh Huỳnh**